

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu
của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau

CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/ND-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Cà Mau.

Theo ý kiến thống nhất của Chủ tịch công ty tại Công văn số 122/CV-CTXSCM, ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau (Kèm theo Quy chế).

Điều 2. Ban Giám đốc, các phòng chức năng, Tổ lập hồ sơ và đánh giá hồ sơ, Tổ Thẩm định thuộc Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/QĐ-CTCT ngày 19/11/2015 của Chủ tịch công ty, về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Người QLDN;
- Kiểm soát viên;
- Các phòng chức năng;
- Lưu văn thư.



GIÁM ĐỐC

Võ Quốc Tiến

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUY CHẾ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Ban hành theo Quyết định số: 118 /QĐ-GĐXSCM, ngày 31/12/2021 của Giám đốc)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đối với dự án đầu tư phát triển của Công ty, theo quy định tại tiết b khoản 1 điều 1 Luật số 43/2013/QH13. Các dự án đầu tư phát triển tại Công ty bao gồm:

a) Dự án đầu tư xây dựng mới;

b) Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã đầu tư xây dựng. Ngoại trừ việc sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; ✓

c) Dự án mua sắm hàng hóa là tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt. Ngoại trừ việc mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

2. Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty, theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật số 43/2013/QH13, cụ thể:

a) Gia công in vé xổ số (dịch vụ phi tư vấn) để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; ✓

b) Cung cấp giấy in vé xổ số (vật liệu) để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;

c) Mua sắm hàng hóa; cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty.

Cũng theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật số 43/2013/QH13, doanh nghiệp phải ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại điều 1 Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và cụm từ viết tắt

Trong Quy chế này, sử dụng các từ ngữ đã được giải thích tại điều 3 Luật số 43/2013/QH13. Ngoài ra giải thích thêm một số từ ngữ như sau:

1. Công ty: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau

2. Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty: Bao gồm các tổ có chức năng, nhiệm vụ lập, thẩm định các hồ sơ bao gồm kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời thầu, chào hàng cạnh tranh; tiếp nhận hồ sơ dự thầu, đáp ứng yêu cầu; đóng thầu; mở thầu; tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu, đáp ứng yêu cầu; báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, đáp ứng yêu cầu.

3. Luật số 43/2013/QH13: Là Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: Là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/6/2014 và nghị định sửa đổi bổ sung nghị định này (nếu có).

5. Các diễn dẫn: Các diễn dẫn về tiết, mục, điều, khoản có liên quan đến Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP sẽ được điều chỉnh, cập nhật tương ứng khi có sửa đổi, bổ sung.

Chương II

LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU, DỊCH VỤ TƯ VẤN, DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN ĐỂ BẢO ĐẢM TÍNH LIÊN TỤC CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ MUA SẮM NHẪM ĐẢM BẢO DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phân loại gói thầu cung cấp nguyên liệu, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty

1. Gói thầu gia công in vé xổ số được phân thành 02 loại gói thầu, bao gồm:

a) Gói thầu gia công in vé xổ số theo năm, in liên tục tất cả các kỳ vé mở thưởng theo năm theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt;

b) Gói thầu gia công in vé xổ số theo kỳ, chỉ in một hoặc một số ít kỳ vé nhất định để khắc phục hậu quả khi gói thầu đang thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này gặp sự cố bất khả kháng.

2. Gói thầu cung cấp giấy in vé xổ số được phân thành 02 loại gói thầu, bao gồm:

a) Gói thầu cung cấp giấy in vé xổ số theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

b) Gói thầu cung cấp giấy in vé xổ số đột xuất, có giá trị dưới 1.000 triệu đồng để khắc phục hậu quả khi gói thầu đang thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này gặp sự cố bất khả kháng hoặc đối với trường hợp do điều kiện khách quan chưa lựa chọn được nhà thầu theo quy định tại điểm a Khoản 2 này.

3. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty với mức giá tối đa dưới 2.000 triệu đồng (từ 2.000 triệu đồng trở lên sẽ lựa chọn nhà thầu theo các quy định có liên quan tại Chương III Quy chế này), được phân thành 04 loại gói thầu, bao gồm:

a) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty có giá dưới 100 triệu đồng;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty có giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng;

c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty có giá từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng;

d) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty có giá từ 1.000 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng.

4. Gói thầu bán giấy vụn.

5. Gói thầu cung cấp sản phẩm vé xổ số trọn gói (Trường hợp đấu thầu in vé số mà không phải cung cấp giấy in).

Điều 5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giá gói thầu

1. Chậm nhất đến ngày 15/8 hằng năm, Giám đốc phải trình Chủ tịch công ty phê duyệt một số kế hoạch chi tiết kèm theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được liên tục và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo kế hoạch tài chính của năm sau liền kề, bao gồm:

a) Kế hoạch in vé xổ số và kế hoạch lựa chọn nhà thầu in vé xổ số của năm sau liền kề.

b) Trên cơ sở kế hoạch in vé xổ số theo quy định tại điểm a Khoản này, lập kế hoạch mua giấy in vé xổ số và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in vé xổ số của năm sau liền kề.

c) Lập kế hoạch về nhu cầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu tương ứng của năm sau liền kề (nếu có)

2. Đối với gói thầu chưa có kế hoạch sử dụng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thì thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu có giá dưới 100 triệu đồng có thể không cần lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Đối với các gói thầu có giá từ 100 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng, Giám đốc phải xây dựng kế hoạch sử dụng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch công ty phê duyệt.

3. Giá gói thầu được quy định như sau:

a) Căn cứ phê duyệt giá gói thầu: Căn cứ báo giá của ít nhất 03 nhà thầu độc lập (thông qua báo giá bằng văn bản giấy, email, Zalo hoặc các phương tiện truyền tải thông tin qua mạng tương tự khác) các công cụ truyền thông tương tự khác); hoặc căn cứ vào dự toán đã được phê duyệt.

b) Giá gói thầu có thể phê duyệt cùng lúc với kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hoặc có thể phê duyệt sau thời điểm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhưng phải trước thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ chào hàng cạnh tranh.

c) Giá gói thầu chỉ có giá trị thực hiện trong khoảng thời gian tối đa 60 ngày, tính từ thời điểm phê duyệt giá gói thầu đến thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ chào hàng cạnh tranh.

d) Giá gói thầu có thể được phê duyệt lại cho phù hợp với điều kiện thực tế và được thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này.

đ) Tùy theo gói thầu cụ thể, giá gói thầu có thể thông tin hoặc không thông tin cho nhà thầu. Trường hợp muốn thông tin giá gói thầu cho nhà thầu thì phải ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ chào hàng cạnh tranh.

Điều 6. Tiêu chuẩn đối với nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đăng ký thành lập và đang hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Hạch toán tài chính độc lập;
- c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
- đ) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, cụ thể:

- Ngoại trừ lựa chọn nhà thầu gia công in vé xổ số theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 1 của Quy chế này, nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty.

- Các nhà thầu cùng tham dự thầu trong một gói thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính.

2. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật;
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật (chỉ áp dụng đối với dịch vụ tư vấn);

c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật (đối với gói thầu có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên);

d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

3. Chuỗi cung ứng: Là một hệ thống các tổ chức, cá nhân hoạt động cung cấp các nguồn lực liên quan tới việc chuyển sản phẩm hay dịch vụ từ nhà cung cấp đến khách hàng. Trong Quy chế này chỉ xét mối quan hệ giữa nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp cho Công ty.

4. Nhà thầu đủ điều kiện tham gia chuỗi cung ứng, bao gồm:

a) Nhà thầu đã tham gia chuỗi cung ứng; đã trúng thầu, ký và thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng quy định; hiện có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1, hoặc khoản 2 Điều này.

b) Nhà thầu đang có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1, hoặc khoản 2 Điều này; đã tham gia dự thầu thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2 điều 1 Quy chế này, đã được đánh giá đủ năng lực, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực dự thầu nhưng chưa đạt yêu cầu về giá.

c) Nhà thầu có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1, hoặc khoản 2 Điều này; đã tự gửi yêu cầu cần cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2 điều 1 Quy chế này và đã được đánh giá đủ năng lực, kinh nghiệm theo những tiêu chí cụ thể của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

5. Danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng, phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Trong danh sách phải có ít nhất từ 3 nhà thầu trở lên;

b) Nhà thầu có tên trong danh sách phải thỏa một trong các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Trong danh sách phải có đủ tất cả các nhà thầu đủ điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều này. Trong đó, có thể ngoại trừ các nhà thầu theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này khi được mời đã không tham gia dự thầu liên tiếp từ 2 lần trở lên;

d) Danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng phải được phê duyệt kèm theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc cùng thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, chào hàng cạnh tranh.

Điều 7. Thông tin lựa chọn nhà thầu

1. Thông tin lựa chọn nhà thầu phải đăng trên Website: <http://www.xosocamau.com> bao gồm:

a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt;

b) Thông báo mời thầu, chào hàng cạnh tranh để thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu được nêu tại điểm a Khoản này;

c) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, đối với các gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được nêu tại điểm a Khoản này;

d) Quy chế này;

đ) Thông tin khác có liên quan (nếu có).

e) Các thông tin quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này phải được đăng vào thời điểm chậm nhất sau 2 ngày làm việc, tính từ thời điểm ban hành văn bản.

2. Thông tin lựa chọn nhà thầu phải gửi trực tiếp cho nhà thầu theo quy định như sau:

2.1. Về loại thông tin mời thầu, chào hàng cạnh tranh cần phải gửi, bao gồm:

a) Thông báo mời thầu, chào hàng cạnh tranh;

b) Hồ sơ mời thầu, chào hàng cạnh tranh;

c) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đối với nhà thầu trúng thầu;

d) Sau khi thương thảo và ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các nhà thầu không trúng thầu;

đ) Thông tin khác có liên quan đến gói thầu (nếu có);

e) Các thông tin quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ mục 2.1 Khoản 2 này phải được gửi trực tiếp cho nhà thầu vào thời điểm chậm nhất sau 2 ngày làm việc, tính từ thời điểm ban hành văn bản.

2.2. Đối với hình thức đấu thầu hạn chế và chào hàng cạnh tranh phải gửi thông tin cho các đối tượng nhà thầu, bao gồm:

a) Trường hợp gói thầu đã có danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng theo quy định tại khoản 5 điều 6 Quy chế này thì phải gửi thông tin mời thầu theo quy định tại mục 2.1 Khoản 2 này cho tất cả các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng.

b) Trường hợp gói thầu chưa có danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng theo quy định tại khoản 5 điều 6 Quy chế này thì phải thực hiện khảo sát tìm các nhà thầu có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1, hoặc khoản 2 điều 6 Quy chế này; đồng thời có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2 điều 1 Quy chế này.

c) Phải gửi thông tin mời thầu, chào hàng cạnh tranh cho ít nhất 03 nhà thầu đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b Mục 2.2 này.

d) Ngoài ra, có thể kết hợp gửi thông tin mời thầu, chào hàng cạnh tranh cho các đối tượng nhà thầu theo quy định tại khoản 5 điều 6 Quy chế này và theo quy định tại điểm b Mục 2.2 này.

2.3. Đối với hình thức chỉ định thầu và mua sắm trực tiếp, thực hiện gửi thông tin theo quy định cụ thể của từng gói thầu.

2.4. Các hình thức sau đây được xem là hình thức gửi thông tin trực tiếp cho nhà thầu và Công ty có thể gửi thông tin cho nhà thầu theo một hoặc một số hình thức cụ thể như sau:

- a) Nhà thầu đến Công ty hoặc Văn phòng đại diện của công ty nhận thông tin lựa chọn nhà thầu;
- b) Công ty gửi thông tin lựa chọn nhà thầu qua các dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu điện...;
- c) Công ty gửi thông tin lựa chọn nhà thầu qua email, zalo hoặc các phương tiện truyền tải thông tin qua mạng tương tự khác.

Điều 8. Về phương thức và hình thức lựa chọn nhà thầu

Lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu theo quy định tại điều 4 Quy chế này được áp dụng theo phương thức (Gói thầu bán giấy vụn thực hiện theo quy định riêng): Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Tùy theo loại gói thầu sẽ áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác nhau, bao gồm:

1. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu hạn chế, áp dụng đối với các gói thầu bao gồm:

a) Gói thầu cung cấp giấy in vé xổ số theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 4 Quy chế này;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm d khoản 3 điều 4 Quy chế này.

c) Gói thầu cung cấp sản phẩm vé xổ số trọn gói theo quy định tại khoản 5 điều 4 Quy chế này.

2. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh, áp dụng đối với các gói thầu bao gồm: Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 4 Quy chế này.

3. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu, áp dụng đối với các gói thầu bao gồm:

a) Gói thầu gia công in vé xổ số theo năm, in liên tục tất cả các kỳ vé mở thưởng theo năm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 4 Quy chế này;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 4 Quy chế này.

c) Gói thầu bán giấy vụn theo quy định tại khoản 4 điều 4 Quy chế này.

4. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức mua sắm trực tiếp, áp dụng đối với các gói thầu bao gồm:

a) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; dịch vụ phi tư vấn để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 4 Quy chế này;

b) Gói thầu gia công in vé xổ số theo kỳ quy định tại điểm b khoản 1 điều 4 Quy chế này;

c) Gói thầu cung cấp giấy in vé xổ số theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 4 Quy chế này.

5. Nguyên tắc chung khi áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều này, có thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 3, khoản 2 và khoản 1 Điều này.

b) Hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều này, có thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 và khoản 1 Điều này.

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều này, có thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Tùy theo gói thầu Giám đốc sẽ trình Chủ tịch công ty phê duyệt nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải đảm bảo các nội dung cơ bản sau đây:

1. Khái quát về gói thầu, bao gồm:

a) Tên gói thầu; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Địa điểm cung cấp;

c) Ngày phát hành thư mời thầu, hồ sơ yêu cầu; quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

d) Quy định về số lượng, quy cách, niêm phong... hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu;

đ) Thời điểm đóng thầu;

e) Thông tin khác (nếu có)

2. Chỉ dẫn nhà thầu, nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, bao gồm:

a) Đơn dự thầu, trong đó nêu cụ thể giá dự thầu và kèm theo thư giảm giá (nếu có);

b) Cung cấp thông tin chung về nhà thầu;

c) kê khai năng lực và kinh nghiệm, kèm theo mẫu biểu có liên quan (nếu có)

d) Các cam kết về cung cấp sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo đơn dự thầu, bao gồm: Số lượng; chất lượng; tiêu chuẩn kỹ thuật; xuất xứ hàng hóa; thương hiệu sản phẩm; thời gian và phương thức thức giao hàng... kèm theo mẫu biểu có liên quan (nếu có);

đ) Bảo lãnh dự thầu, áp dụng đối với hình thức đấu thầu hạn chế theo quy định tại khoản 1 điều 8 Quy chế này;

e) Một số nội dung hướng dẫn khác (nếu có);

g) Thời gian và địa nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu.

3. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu và các thông tin có liên quan, bao gồm:

a) Bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu;

b) Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu;

c) Nội dung hợp đồng, đối với hình thức đấu thầu hạn chế theo quy định tại khoản 1 điều 8 Quy chế này phải có quy định về bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

d) Một số quy định khác liên quan đến gói thầu.

4. Quy định về tài liệu kèm theo chứng minh các thông tin có liên quan của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đáp ứng yêu cầu.

5. Một số quy định cụ thể khác liên quan trực tiếp đến từng loại gói thầu, được trình khi phê duyệt hồ sơ dự thầu, hồ sơ chào hàng cạnh tranh.

Điều 10. Quy trình lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu hạn chế

1. Gửi thông tin mời thầu theo quy định tại điều 7 Quy chế này.

2. Tổ chức tiếp nhận, bảo quản hồ sơ dự thầu.

3. Đóng thầu: Lập biên bản đóng thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian đóng thầu; thành phần tham gia đóng thầu; danh sách hồ sơ dự thầu đến thời điểm đóng thầu; hiện trạng niêm phong hồ sơ dự thầu...

4. Tổ chức mở thầu phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phải có ít nhất 03 hồ sơ dự thầu, gửi đến đúng quy định đã được ghi trong biên bản đóng thầu. Trường hợp không đủ 03 hồ sơ dự thầu, phải trình người có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Lập biên bản mở thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian mở thầu; thành phần tham gia mở thầu; mở lần lượt từng hồ sơ dự thầu và ghi nhận các thông tin cơ bản bao gồm tên nhà thầu, hiện trạng niêm phong hồ sơ, giá dự thầu, thư giảm giá (nếu có)...; các nội dung khác (nếu có)

5. Tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định của hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, phải đảm bảo đầy đủ các nội dung và theo quy trình đánh giá như sau:

a) Đánh giá tiêu chuẩn của nhà thầu theo quy định tại điều 6 Quy chế này theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.

20002
CỘNG
HỘ T
SỞ
CÁ
MAL

b) Đánh giá hồ sơ dự thầu về năng lực và kinh nghiệm theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.

c) Đánh giá khoản bảo đảm dự thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

d) Đánh giá các cam kết về cung cấp sản phẩm, dịch vụ của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Số lượng; chất lượng; tiêu chuẩn kỹ thuật; xuất xứ hàng hóa; thương hiệu sản phẩm; thời gian và phương thức thức giao hàng... theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

đ) Lựa chọn các nhà thầu được đánh giá đồng thời đạt tất cả các điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d Khoản này đưa vào danh sách so sánh giá dự thầu. Danh sách so sánh giá dự thầu được xếp theo thứ tự từ giá thấp đến giá cao, giá dự thầu để so sánh là giá đã sửa lỗi, hiệu chỉnh về cùng tiêu chí giá.

6. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thương thảo, ký hợp đồng:

6.1. Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong đó nhà thầu đứng đầu danh sách theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này là nhà thầu được đề nghị trúng thầu và với điều kiện giá trúng thầu không vượt so với giá gói thầu đã được phê duyệt.

6.2. Trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6.3. Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gửi thông báo cho nhà thầu trúng thầu đến thương thảo, ký hợp đồng. Sau khi thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho tất cả các nhà thầu tham gia dự thầu nhưng không trúng thầu.

6.4. Sau khi ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu, khoản bảo đảm dự thầu sẽ được xử lý như sau: Hoàn trả lại cho các nhà thầu không trúng thầu (trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh ngân hàng, thì sẽ thực hiện thủ tục giải tỏa bảo lãnh); đối với nhà thầu trúng thầu sẽ chuyển khoản bảo đảm dự thầu thành khoản bảo đảm thực hiện hợp đồng và đồng thời hoàn trả lại phần thừa nếu có (trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh ngân hàng, thì sẽ thực hiện thủ tục giải tỏa bảo lãnh ngay sau khi nhận khoản bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định).

6.5. Trường hợp nhà thầu được thông báo trúng thầu nhưng không chấp nhận ký hợp đồng do không chấp nhận các điều khoản hợp đồng, hoặc không chấp nhận bảo đảm thực hiện hợp đồng mà các nội dung này đã được thể hiện rõ trong hồ sơ mời thầu, thì sẽ được xử lý theo một trong hai như sau:

a) Hủy kết quả lựa chọn nhà thầu để thực hiện lựa chọn nhà thầu lại; thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu không thành công cho tất cả các nhà thầu tham gia dự thầu. Hoàn trả khoản bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu, riêng nhà thầu được thông báo trúng thầu nhưng không chấp nhận ký hợp đồng được nêu tại Mục 6.5 này sẽ không được hoàn trả khoản bảo đảm dự thầu.

b) Hủy kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1, mời nhà thầu đứng thứ hai trong danh sách so sánh giá dự thầu được nêu tại điểm đ khoản 5 Điều này đến thương thảo ký hợp đồng theo các nội dung đã quy định trong hồ sơ mời thầu và với mức giá trong khoảng từ bằng mức giá dự thầu của nhà thầu đứng đầu danh sách đến tối đa bằng mức giá của nhà thầu đứng thứ hai trong danh sách, với điều kiện mức giá thương thảo không vượt so với giá gói thầu đã được phê duyệt.

- Nếu kết quả thương thảo thành công, sẽ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 2 và hai bên thực hiện ký hợp đồng. Khi đó sẽ tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan theo quy định tại mục 6.4 Khoản này.

- Nếu kết quả thương thảo không thành công, sẽ tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan theo quy định tại điểm a Mục 6.5 này. Trong đó, nếu thương thảo không thành công do nguyên nhân Công ty đề nghị mức giá thấp hơn mức giá do chính nhà thầu đứng thứ hai trong danh sách đề nghị, thì phải hoàn trả khoản bảo đảm dự thầu cho nhà thầu này.

Điều 11. Quy trình lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh

1. Gửi thông tin chào hàng cạnh tranh theo quy định tại điều 7 Quy chế này.
2. Tổ chức tiếp nhận, bảo quản hồ sơ đáp ứng yêu cầu.
3. Đóng thầu: Lập biên bản đóng thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian đóng thầu; thành phần tham gia đóng thầu; danh sách hồ sơ dự thầu đến thời điểm đóng thầu; hiện trạng niêm phong hồ sơ đáp ứng yêu cầu...
4. Tổ chức mở thầu phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Phải có ít nhất 03 hồ sơ đáp ứng yêu cầu, gửi đến đúng quy định đã được ghi trong biên bản đóng thầu. Trường hợp không đủ 03 hồ sơ đáp ứng yêu cầu, phải trình người có thẩm quyền xem xét quyết định.
 - b) Lập biên bản mở thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian mở thầu; thành phần tham gia mở thầu; mở lần lượt từng hồ sơ đáp ứng yêu cầu và ghi nhận các thông tin cơ bản bao gồm tên nhà thầu, hiện trạng niêm phong hồ sơ, giá dự thầu, thu giảm giá (nếu có)...; các nội dung khác (nếu có)
5. Tổ chức đánh giá hồ sơ đáp ứng yêu cầu thực hiện theo quy định của hồ sơ chào hàng cạnh tranh. Tuy nhiên, phải đảm bảo đầy đủ các nội dung và theo quy trình đánh giá như sau:
 - a) Đánh giá tiêu chuẩn của nhà thầu theo quy định tại điều 6 Quy chế này theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.
 - b) Đánh giá hồ sơ đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.
 - c) Đánh giá khoản bảo đảm dự thầu theo quy định của hồ sơ chào hàng cạnh tranh theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.
 - d) Đánh giá các cam kết về cung cấp sản phẩm, dịch vụ của hồ sơ đáp ứng yêu cầu, bao gồm: Số lượng; chất lượng; tiêu chuẩn kỹ thuật; xuất xứ hàng hóa;

thương hiệu sản phẩm; thời gian và phương thức thức giao hàng... theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

đ) Lựa chọn các nhà thầu được đánh giá đồng thời đạt tất cả các điều kiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d Khoản này đưa vào danh sách so sánh giá. Danh sách so sánh giá được xếp theo thứ tự từ thấp đến cao, giá để so sánh là giá đã sửa lỗi, hiệu chỉnh về cùng tiêu chí giá.

6. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thương thảo, ký hợp đồng:

6.1. Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong đó nhà thầu đứng đầu danh sách theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này là nhà thầu được đề nghị trúng thầu và với điều kiện giá trúng thầu không vượt so với giá gói thầu đã được phê duyệt.

6.2. Trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6.3. Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gửi thông báo cho nhà thầu trúng thầu đến thương thảo, ký hợp đồng. Sau khi thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho tất cả các nhà thầu tham gia dự thầu nhưng không trúng thầu.

6.4. Trường hợp nhà thầu được thông báo trúng thầu nhưng không chấp nhận ký hợp đồng do không chấp nhận các điều khoản hợp đồng, mà các nội dung này đã được thể hiện rõ trong hồ sơ mời thầu, thì sẽ được xử lý như sau:

a) Hủy kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1, mời các nhà không trúng thầu theo thứ tự ưu tiên lần lượt nhà thầu đứng thứ hai, thứ ba... trong danh sách so sánh giá được nêu tại điểm đ khoản 5 Điều này đến thương thảo, ký hợp đồng theo các nội dung đã quy định trong hồ sơ chào hàng cạnh tranh và với mức giá tối đa bằng mức giá đáp ứng yêu cầu của nhà thầu đứng đầu trong danh sách. Khi đã thương thảo thành công, thì dừng không tiếp tục thương thảo các nhà thầu còn lại và tiến hành thực hiện các công việc có liên quan theo quy định tại điểm c Khoản này.

b) Khi đã mời thương thảo tất cả các nhà thầu theo quy định tại điểm a Mục 6.4 này mà vẫn chưa chọn được nhà thầu, thì có thể tiếp tục quy trình thương thảo tương tự như quy định tại điểm a Mục 6.4 này nhưng với mức giá tối đa bằng mức giá đáp ứng yêu cầu của nhà thầu đứng thứ hai trong danh sách và không vượt so với giá gói thầu đã được phê duyệt. Khi đã thương thảo thành công, thì dừng không tiếp tục thương thảo các nhà thầu còn lại và tiến hành thực hiện các công việc có liên quan theo quy định tại Mục 6.3 Khoản này.

c) Khi đã mời thương thảo tất cả các nhà thầu theo quy định tại điểm b Mục 6.4 này mà vẫn chưa chọn được nhà thầu thì sẽ hủy kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo cho tất cả nhà thầu đã tham gia đáp ứng yêu cầu và tiến hành tổ chức lại quy trình chào hàng cạnh tranh mới.

Điều 12. Quy trình lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu

1. Gửi thông tin mời thầu theo quy định tại mục 2.3 khoản 2 điều 7 Quy chế này.
2. Tổ chức tiếp nhận, bảo quản hồ sơ dự thầu.

3. Đóng thầu: Lập biên bản đóng thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian đóng thầu; thành phần tham gia đóng thầu; danh sách hồ sơ dự thầu đến thời điểm đóng thầu; hiện trạng niêm phong hồ sơ dự thầu...

4. Tổ chức mở thầu phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phải có số lượng hồ sơ dự thầu ít nhất bằng với số lượng quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Trường hợp không đủ số lượng hồ sơ theo quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, phải trình người có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Lập biên bản mở thầu, trong đó ghi rõ: Thời gian mở thầu; thành phần tham gia mở thầu; mở lần lượt từng hồ sơ dự thầu và ghi nhận các thông tin cơ bản bao gồm tên nhà thầu, hiện trạng niêm phong hồ sơ, giá dự thầu, thư giảm giá (nếu có)...; các nội dung khác (nếu có)

5. Tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định của hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, phải đảm bảo đầy đủ các nội dung và theo quy trình đánh giá như sau:

a) Đánh giá tiêu chuẩn của nhà thầu theo quy định tại điều 6 Quy chế này theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.

b) Đánh giá các cam kết về cung cấp sản phẩm, dịch vụ của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Số lượng; chất lượng; tiêu chuẩn kỹ thuật; xuất xứ hàng hóa; thương hiệu sản phẩm; thời gian và phương thức thức giao hàng... theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

c) Các nhà thầu được đánh giá đạt cả hai tiêu chí theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản này mới được xem xét các tiêu chí quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e Khoản này.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu về năng lực theo hình thức cho điểm, tiêu chí cho điểm được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và theo thang điểm từ 0 đến 100 điểm: Chỉ xét chọn nhà thầu được đánh giá trên 60 điểm.

đ) Đánh giá hồ sơ dự thầu về kinh nghiệm theo hình thức cho điểm, tiêu chí cho điểm được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và theo thang điểm từ 0 đến 100 điểm: Chỉ xét chọn nhà thầu được đánh giá trên 60 điểm.

e) Đánh giá một số điều kiện khác liên quan đến việc thực hiện gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ đặc thù và đánh giá về khả năng trong việc thực hiện cam kết quy định tại điểm b Khoản này. Thực hiện đánh giá theo hình thức cho điểm, tiêu chí cho điểm được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và theo thang điểm từ 0 đến 100 điểm: Chỉ xét chọn nhà thầu được đánh giá trên 60 điểm.

g) Lựa chọn các nhà thầu được đánh giá các tiêu chí quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e Khoản này đều đồng thời đạt trên 60 điểm để đưa vào danh sách so sánh về năng lực và kinh nghiệm (bao gồm cả khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ đặc thù và khả năng trong việc thực hiện cam kết). Danh sách so sánh về năng lực và kinh nghiệm được xếp theo thứ tự tổng điểm của 03 tiêu chí này từ cao xuống thấp.

h) Căn cứ vào giá dự thầu của các nhà thầu được đánh giá các tiêu chí quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e Khoản này đều đồng thời đạt trên 60 điểm đưa vào danh sách so sánh giá: Danh sách so sánh giá được xếp theo thứ tự từ thấp đến cao, giá đề so sánh là giá đã sửa lỗi, hiệu chỉnh về cùng tiêu chí giá. Trường hợp nếu chỉ có 01 nhà thầu tham gia dự thầu thì thực hiện danh sách so sánh giá theo nguyên tắc như sau:

- Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty phải tiếp tục khảo sát, phân tích xác định mức giá thị trường hợp lý của sản phẩm, dịch vụ tương ứng tại thời điểm xét thầu (gọi tắt là giá hợp lý) trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá hợp lý không được vượt so với giá gói thầu và giá dự thầu do nhà thầu đề xuất.

- Giá hợp lý được xem như giá của một nhà thầu để đưa vào danh sách so sánh giá.

6. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thương thảo, ký hợp đồng:

6.1. Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu, trong đó:

a) Nếu có nhà thầu đứng đầu trong cả hai danh sách theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 5 Điều này thì đề nghị nhà thầu này trúng thầu.

b) Nếu không có nhà thầu đứng đầu trong cả hai danh sách theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 5 Điều này thì không đề nghị nhà thầu trúng thầu, chỉ đề nghị tiếp tục thương thảo với các nhà thầu theo thứ tự ưu tiên trong danh sách so sánh về năng lực và kinh nghiệm.

6.2. Nếu có nhà thầu trúng thầu theo quy định tại điểm a mục 6.1 Khoản 6 này thì trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến hành quy trình ký hợp đồng.

6.3. Nếu chưa đề nghị nhà thầu trúng thầu theo quy định tại điểm b mục 6.1 Khoản 6 này, thì tiếp tục thương thảo theo quy trình như sau:

a) Chọn nhà thầu được đánh giá cao về năng lực, kinh nghiệm, tiến hành thương thảo với mức giá thấp nhất bằng với mức giá của nhà thầu được xếp thứ nhất trong danh sách theo quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.

b) Trường hợp không thương thảo được mức giá thấp nhất, có thương thảo mức giá tăng lên hay không do người có thẩm quyền quyết định nhưng phải thấp hơn so với mức giá của nhà thầu được xếp thứ hai trong danh sách theo quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.

6.4. Sau khi thương thảo với các nhà thầu theo quy định tại mục 6.3 Khoản này, sẽ có hai trường hợp sau:

a) Nếu có nhà thầu chấp thuận theo điều kiện thương thảo thì trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến hành quy trình ký hợp đồng.

b) Nếu không có nhà thầu nào chấp thuận theo điều kiện thương thảo thì thực hiện hủy kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến hành thực hiện lại quy trình lựa chọn nhà thầu tiếp theo.

6.5. Khi đã lựa chọn được nhà thầu và ký hợp đồng theo quy định tại mục 6.2 Khoản này, hoặc điểm a mục 6.4 Khoản này; hoặc không lựa chọn được nhà thầu theo quy định tại điểm b mục 6.4 Khoản này phải thông báo cho tất cả các nhà thầu tham gia dự thầu.

Điều 13. Quy trình mua sắm trực tiếp

Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp, do Giám đốc xem xét quyết định và thực hiện theo nguyên tắc cơ bản sau đây:

1. Căn cứ để quyết định mua sắm, dựa vào một trong các căn cứ sau đây:

- a) Căn cứ kế hoạch sử dụng;
- b) Căn cứ dự toán mua sắm thường xuyên;
- c) Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng;
- d) Căn cứ nhu cầu phải khắc phục ngay các sự cố bất khả kháng.

2. Tùy theo loại gói thầu có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu theo một trong các hình thức như sau:

- a) Chọn một trong những nhà thầu có uy tín trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng;
- b) Yêu cầu ít nhất 03 nhà thầu báo giá sản phẩm, dịch vụ cần mua sắm;
- c) Thực hiện thương thảo mua sắm trực tiếp.

3. Tùy theo gói thầu có thể thực hiện gói thầu thông qua hợp đồng, hoặc căn cứ theo hóa đơn bán hàng và các chứng từ có liên quan khác hợp lý, hợp lệ.

Điều 14. Quy trình lựa chọn nhà thầu bán giấy vụn

1. Phê duyệt nhà thầu đủ điều kiện tham gia mua giấy vụn:

a) Gửi thông báo yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin liên quan đến điều kiện tham gia mua giấy vụn, bao gồm: Thông tin chung của nhà thầu; năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; các cam kết liên quan đến mua giấy vụn.

b) Không phê duyệt giá gói thầu; không thực hiện đóng thầu, mở thầu; chỉ thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua giấy vụn. Có thể tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký mua giấy vụn của các nhà thầu theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ Khoản này vào các thời điểm khác nhau.

c) Đánh giá tiêu chuẩn của nhà thầu theo quy định tại điều 6 Quy chế này, theo hình thức: Đạt, hoặc không đạt.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu về năng lực và kinh nghiệm, theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

đ) Đánh giá hồ sơ dự thầu đối với các cam kết liên quan đến mua giấy vụn, theo hình thức đánh giá: Đạt, hoặc không đạt.

e) Khi tất cả các điều kiện nêu tại điểm c, điểm d và điểm đ được đánh giá đạt, thì trình người có thẩm quyền phê duyệt nhà thầu đủ điều kiện tham gia mua giấy vụn.

2. Mời nhà thầu tham gia gói thầu bán giấy vụn:

a) Gửi thông tin gói thầu bán giấy vụn cho tất cả các nhà thầu đủ điều kiện tham gia mua giấy vụn đã được phê duyệt theo quy định tại điểm e Khoản 1 này.

b) Nhà thầu gửi thư báo giá dự thầu theo hình thức báo đơn giá chi tiết đối với từng loại giấy vụn theo quy định tại điểm a Khoản này và trong điều kiện phải thực hiện các cam kết theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Đánh giá thư báo giá:

a) Lập danh sách so sánh đơn giá của nhà thầu (đơn giá bình quân). Danh sách so sánh đơn giá bình quân của nhà thầu được xếp theo thứ tự từ đơn giá bình quân cao đến đơn giá bình quân thấp, cách xác định cụ thể như sau: Căn cứ số lượng tạm tính từng loại giấy vụn của gói thầu bao gồm số lượng loại A, số lượng loại B ...; căn cứ thư báo giá chi tiết của nhà thầu bao gồm đơn giá loại A, đơn giá loại B ... Xác định đơn giá bình quân, theo công thức tính sau đây:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Số lượng A} \times \text{Đơn giá A} + \text{Số lượng B} \times \text{Đơn giá B}}{\text{Số lượng A} + \text{Số lượng B}}$$

Trường hợp nếu chỉ có 01 nhà thầu tham gia dự thầu thì thực hiện danh sách so sánh đơn giá theo nguyên tắc như sau:

- Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty phải tiếp tục khảo sát, phân tích xác định mức đơn giá bán từng loại giấy vụn theo đơn giá thị trường hợp lý (gọi tắt là đơn giá hợp lý) trình người có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở đó xác định đơn giá hợp lý bình quân.

- Đơn giá hợp lý bình quân không được thấp hơn so với đơn giá bình quân theo tính toán từ cơ sở báo giá chi tiết nhà thầu.

- Đơn giá hợp lý bình quân được xem như giá của một nhà thầu để đưa vào danh sách so sánh giá.

b) Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty báo cáo kết quả theo danh sách so sánh đơn giá bình quân của các nhà thầu. Trong đó, chỉ đề nghị thương thảo theo thứ tự ưu tiên đối với nhà thầu có giá cao.

4. Thương thảo, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng, thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Chọn nhà thầu đứng đầu trong danh sách, thương thảo các đơn giá chi tiết sao cho đạt mức đơn giá bình quân cao nhất và thấp nhất phải bằng mức đơn giá bình quân của nhà thầu đứng đầu danh sách.

b) Nếu thương thảo với nhà thầu theo quy định tại điểm a Khoản này chưa đạt yêu cầu thì: Tiếp tục chọn nhà thầu đứng thứ hai trong danh sách, thương thảo các đơn giá chi tiết sao cho đạt mức đơn giá bình quân cao nhất và thấp nhất phải bằng mức đơn giá bình quân của nhà thầu đứng đầu danh sách.

c) Nếu thương thảo với nhà thầu theo quy định tại điểm b Khoản này chưa đạt yêu cầu thì: Tiếp tục chọn nhà thầu đứng thứ ba trong danh sách, thương thảo các đơn giá chi tiết sao cho đạt mức đơn giá bình quân cao nhất và thấp nhất phải bằng mức đơn giá bình quân của nhà thầu đứng đầu danh sách.

d) Sau khi thương thảo với các nhà thầu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này, sẽ có hai trường hợp sau:

- Nếu có nhà thầu chấp thuận theo điều kiện thương thảo thì trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến hành quy trình ký hợp đồng.

- Nếu không có nhà thầu nào chấp thuận theo điều kiện thương thảo thì thực hiện hủy kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến hành thực hiện lại quy trình lựa chọn nhà thầu tiếp theo.

đ) Quy trình thương thảo phải luôn đảm bảo nguyên tắc ưu tiên cho nhà thầu có thư chào giá đạt mức đơn giá bình quân cao hơn. Do đó, phải thương thảo đúng theo trình tự ưu tiên các bước theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này. Khi đã thương thảo thành công thì phải dừng lại, trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tiếp tục thực hiện quy trình ký hợp đồng.

e) Khi đã lựa chọn được nhà thầu và ký hợp đồng; hoặc không lựa chọn được nhà thầu theo quy định tại điểm d Khoản này phải thông báo cho các nhà thầu đã tham gia báo giá dự thầu.

Điều 15. Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty

1. Bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty sẽ tự tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại khoản 2 điều 1 Quy chế này. Quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu được căn cứ vào các điều, khoản có liên quan theo quy định tại Chương II này.

2. Ngoài ra, Công ty có thể thuê đơn vị tư vấn thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh và mua sắm nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty theo quy định tại khoản 2 điều 1 Quy chế này. Khi đó quy trình lựa chọn nhà thầu được căn cứ vào các điều, khoản có liên quan theo quy định tại Chương III Quy chế này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN, DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, HÀNG HÓA, XÂY LẬP ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Điều 16. Quy định liên quan đến nhà thầu

1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 5 Luật số 43/2013/QH13.

2. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 6 Luật số 43/2013/QH13 và điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 17. Quy định liên quan đến hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

1. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại điều 7 Luật số 43/2013/QH13.

2. Thông tin về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 8 Luật số 43/2013/QH13 và điều 7 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 10 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 9 Luật số 43/2013/QH13.

5. Đồng tiền dự thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 10 Luật số 43/2013/QH13.

6. Bảo đảm dự thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 11 Luật số 43/2013/QH13.

7. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại điều 12 Luật số 43/2013/QH13.

8. Thời hạn, quy trình cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 8 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 18. Quy định liên quan đến tổ chức đấu thầu

1. Chi phí trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 13 Luật số 43/2013/QH13 và điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

2. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 14 Luật số 43/2013/QH13; điều 3, điều 4, điều 5 và điều 6 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

3. Điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 16 Luật số 43/2013/QH13.

4. Các trường hợp hủy thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 17 Luật số 43/2013/QH13.

5. Trách nhiệm khi hủy thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 18 Luật số 43/2013/QH13.

Điều 19. Các hình thức đấu thầu

1. Đấu thầu rộng rãi: Thực hiện theo quy định tại điều 20 Luật số 43/2013/QH13.

2. Đấu thầu hạn chế: Thực hiện theo quy định tại điều 21 Luật số 43/2013/QH13.

3. Chỉ định thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 22 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn theo các quy định cụ thể sau:

a) Hạn mức chỉ định thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Quy trình chỉ định thầu thông thường: Thực hiện theo quy định tại điều 55 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Quy trình chỉ định thầu rút gọn : Thực hiện theo quy định tại điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Chào hàng cạnh tranh: Thực hiện theo quy định tại điều 23 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn theo các quy định cụ thể sau:

a) Phạm vi áp dụng chào hàng cạnh tranh : Thực hiện theo quy định tại điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường: Thực hiện theo quy định tại điều 58 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn : Thực hiện theo quy định tại điều 59 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Mua sắm trực tiếp: Thực hiện theo quy định tại điều 24 Luật số 43/2013/QH13, quy trình mua sắm trực tiếp thực hiện theo quy định tại điều 60 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

6. Tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại điều 25 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn theo các quy định cụ thể sau:

a) Điều kiện áp dụng: Thực hiện theo quy định tại điều 61 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Quy trình tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

7. Lựa chọn nhà thầu với quy mô nhỏ

a) Hạn mức của gói thầu quy mô nhỏ: Thực hiện theo quy định tại điều 63 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ: Thực hiện theo quy định tại điều 64 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

8. Mua sắm thường xuyên

a) Điều kiện áp dụng mua sắm thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại điều 46 Luật số 43/2013/QH13.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại điều 47 Luật số 43/2013/QH13.

c) Nội dung mua sắm thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại điều 73 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

d) Quy trình thực hiện mua sắm thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại điều 74 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 20. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, thực hiện theo quy định tại điều 28 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Quy trình chi tiết: Thực hiện theo quy định tại điều 11 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Lập hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 13 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

d) Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 14 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

đ) Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 15 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

e) Làm rõ hồ sơ dự thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

g) Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: Thực hiện theo quy định tại điều 17 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

h) Đánh giá hồ sơ dự thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 18 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

i) Thương thảo hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 19 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

k) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, thực hiện theo quy định tại điều 29 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Lựa chọn danh sách ngắn: Thực hiện theo quy định tại điều 22 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Lập hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 23 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp: Thực hiện theo quy định tại điều 24 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

d) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 25 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 26 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

e) Nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu, sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: Thực hiện theo quy định tại điều 27 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

g) Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại điều 28 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

h) Mở hồ sơ đề xuất về tài chính: Thực hiện theo quy định tại điều 29 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

i) Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính: Thực hiện theo quy định tại điều 30 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

k) Thương thảo hợp đồng; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 31 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một: Thực hiện theo quy định tại điều 44 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Tổ chức đấu thầu giai đoạn một: Thực hiện theo quy định tại điều 45 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai: Thực hiện theo quy định tại điều 46 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng giai đoạn hai: Thực hiện theo quy định tại điều 47 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

đ) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 48 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ, thực hiện theo quy định tại điều 31 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn một: Thực hiện theo quy định tại điều 49 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Tổ chức đấu thầu giai đoạn một: Thực hiện theo quy định tại điều 50 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

c) Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai: Thực hiện theo quy định tại điều 51 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng giai đoạn hai: Thực hiện theo quy định tại điều 52 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

đ) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 53 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 21. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, áp dụng đối nhà thầu là tổ chức

1. Quy trình chi tiết: Thực hiện theo quy định tại điều 32 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Lựa chọn danh sách ngắn: Thực hiện theo quy định tại điều điều 33 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Lập hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 34 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 35 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 36 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

6. Nguyên tắc đánh giá; làm rõ hồ sơ dự thầu; sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch : Thực hiện theo quy định tại điều 37 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

7. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật : Thực hiện theo quy định tại điều 38 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

8. Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính : Thực hiện theo quy định tại điều 39 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

9. Thương thảo hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 40 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

10. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 41 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 23. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, áp dụng đối nhà thầu là cá nhân

1. Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, danh sách tư vấn cá nhân: Thực hiện theo quy định tại điều 42 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Gửi thư mời và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt và ký kết hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 43 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 24. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 33 Luật số 43/2013/QH13.

2. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật số 43/2013/QH13.

3. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 35 Luật số 43/2013/QH13.

4. Trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 36 Luật số 43/2013/QH13.

5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 37 Luật số 43/2013/QH13.

6. Quy trình lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 38 Luật số 43/2013/QH13.

7. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp: Thực hiện theo quy định tại điều 39 Luật số 43/2013/QH13.

8. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn: Thực hiện theo quy định tại điều 40 Luật số 43/2013/QH13.

9. Phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất: Thực hiện theo quy định tại điều 41 Luật số 43/2013/QH13.

10. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn: Thực hiện theo quy định tại điều 42 Luật số 43/2013/QH13.

11. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp: Thực hiện theo quy định tại điều 43 Luật số 43/2013/QH13.

Điều 25. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng: Thực hiện theo quy định tại điều 60 Luật số 43/2013/QH13.

2. Yêu cầu đối với hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Thực hiện theo quy định tại điều 61 Luật số 43/2013/QH13.

3. Phạm vi và lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng: Thực hiện theo quy định tại điều 84 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Nguyên tắc áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng: Thực hiện theo quy định tại điều 85 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu qua mạng: Thực hiện theo quy định tại điều 86 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

6. Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Thực hiện theo quy định tại điều 87 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

7. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng: Thực hiện theo quy định tại điều 88 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 26. Hợp đồng với nhà thầu

1. Loại hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 62 Luật số 43/2013/QH13.

2. Hồ sơ hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 63 Luật số 43/2013/QH13.

3. Điều kiện ký kết hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 64 Luật số 43/2013/QH13.

4. Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn: Thực hiện theo quy định tại điều 65 Luật số 43/2013/QH13.

5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 66 Luật số 43/2013/QH13.

6. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 67 Luật số 43/2013/QH13.

7. Nguyên tắc chung của hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 89 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

8. Giá hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 90 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

9. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 91 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

10. Tạm ứng hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 92 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

11. Điều chỉnh giá và khối lượng của hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 93 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

12. Thanh toán hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 94 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

13. Thanh toán đối với loại hợp đồng trọn gói: Thực hiện theo quy định tại điều 95 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

14. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định: Thực hiện theo quy định tại điều 96 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

15. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Thực hiện theo quy định tại điều 97 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

16. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo thời gian: Thực hiện theo quy định tại điều 98 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

17. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điều 99 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 27. Trách nhiệm của các bên trong lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền, người đứng đầu doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại điều 73 Luật số 43/2013/QH13 và điều 102 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Thực hiện theo quy định tại điều 74 Luật số 43/2013/QH13.

3. Trách nhiệm của bên mời thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 75 Luật số 43/2013/QH13.

4. Trách nhiệm của tổ chuyên gia: Thực hiện theo quy định tại điều 76 Luật số 43/2013/QH13.

5. Điều kiện đối với tổ chuyên gia: Thực hiện theo quy định tại điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

6. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư: Thực hiện theo quy định tại điều 77 Luật số 43/2013/QH13.

7. Trách nhiệm của tổ chức thẩm định: Thực hiện theo quy định tại điều 78 Luật số 43/2013/QH13 và điều 104 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

8. Trách nhiệm của bên mời thầu tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Thực hiện theo quy định tại điều 79 Luật số 43/2013/QH13.

9. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Thực hiện theo quy định tại điều 80 Luật số 43/2013/QH13.

10. Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

11. Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 28. Quản lý về hoạt động đấu thầu

1. Xử lý tình huống trong đấu thầu, thực hiện theo quy định tại điều 86 Luật số 43/2013/QH13 và điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động đấu thầu, thực hiện theo quy định tại điều 87 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Kiểm tra hoạt động đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 125 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Khiếu nại, tố cáo: Thực hiện theo quy định tại điều 88 Luật số 43/2013/QH13.

4. Điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị: Thực hiện theo quy định tại điều 118 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Giải quyết kiến nghị đối với lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 120 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 29. Các hành vi bị cấm và xử lý vi phạm về đấu thầu

1. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 89 Luật số 43/2013/QH13

2. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 122 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Xử lý vi phạm: Thực hiện theo quy định tại điều 90 Luật số 43/2013/QH13, được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Các hình thức xử lý vi phạm trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 121 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

b) Bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 124 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 30. Giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu

1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 91 Luật số 43/2013/QH13.

2. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 123 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

3. Quy trình giải quyết kiến nghị: Thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật số 43/2013/QH13.

4. Nguyên tắc giải quyết: Thực hiện theo quy định tại điều 93 Luật số 43/2013/QH13.

5. Quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thực hiện theo quy định tại điều 94 Luật số 43/2013/QH13.

Điều 31. Một số vấn đề khác

1. Mẫu hồ sơ đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 127 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Quản lý nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại điều 128 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 32. Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đối với dự án đầu tư phát triển của Công ty

1. Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn đối với các dự án đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 1 điều 1 Quy chế này: Áp dụng hình thức thuê đơn vị tư vấn có chức năng đấu thầu theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các gói thầu có giá trị dưới 500 triệu đồng, có thể do bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2. Lựa chọn nhà thầu xây lắp đối với các dự án đầu tư phát triển theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 điều 1 Quy chế này: Áp dụng hình thức thuê đơn vị tư vấn có chức năng đấu thầu theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các gói thầu giá trị dưới 1.000 triệu đồng, có thể do bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Lựa chọn nhà thầu đáp ứng yêu cầu mua sắm hàng hóa là tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt đối với các dự án đầu tư phát triển theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 1 Quy chế này: Áp dụng hình thức thuê đơn vị tư vấn có chức năng đấu thầu theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các gói thầu có giá trị dưới 2.000 triệu đồng, có thể do bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Khi bộ phận lựa chọn nhà thầu của Công ty tự tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thì phải thực hiện theo các quy định có liên quan tại các điều, khoản của Chương III này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Cập nhật sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh chưa được thể hiện trong Quy chế này, thì sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quy chế được xây dựng trên cơ sở của pháp luật hiện hành. Do đó, khi pháp luật hiện hành có liên quan quản lý tài chính thay đổi, thì những nội dung có liên quan sẽ được mặc định điều chỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến lựa chọn nhà thầu của Công ty chưa được nêu trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quy chế này được tập thể lao động quản lý và Tổ lập hồ sơ mời thầu và Tổ thẩm định tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua ngày 24/12/2021.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện theo quyết định ban hành./-



GIÁM ĐỐC

Handwritten signature
Võ Quốc Tiến

